

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 388/H/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam tại các xã: Xuân Bái, Thọ Xương, Xuân Phú, huyện Thọ Xuân và xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam tại các xã: Xuân Bái, Thọ Xương, Xuân Phú, huyện Thọ Xuân và xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4480/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn sau năm 2030;

Theo đề nghị của Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn tại Tờ trình số 145 TTTr/ĐLS-HĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2017; của Sở Xây dựng tại văn bản số 5187/SXD-QH ngày 21 tháng 9 năm 2017 về việc Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công viên sinh thái tre luồng Thanh

Tam tại các xã: Xuân Bái, Thọ Xương, Xuân Phú, huyện Thọ Xuân và xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam tại các xã: Xuân Bái, Thọ Xương, Xuân Phú, huyện Thọ Xuân và xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Công viên sinh thái, tre luồng Thanh Tam tại các xã: Xuân Bái, Thọ Xương, Xuân Phú huyện Thọ Xuân và xã Thọ Thanh huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa bao gồm 02 vị trí có tổng diện tích khoảng 159,58ha; cụ thể như sau:

a) Phạm vi, ranh giới vị trí 01 - Khu đồi sinh thái và khu Hồ Dăm: Thuộc địa giới hành chính các xã Xuân Bái, Thọ Xương, Xuân Phú, huyện Thọ Xuân; ranh giới cụ thể (xác định theo điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa):

- Phía Bắc giáp đất đồi núi ;
- Phía Nam giáp hành lang đường Hồ Chí Minh;
- Phía Đông giáp khu nông nghiệp công nghệ cao.
- Phía Tây giáp đường quy hoạch;

Diện tích: Khoảng 102,38ha.

b) Phạm vi, ranh giới vị trí 02 - Khu du lịch sinh thái Cồn Nổi (Bãi Đoàn): Thuộc địa giới hành chính xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân; ranh giới cụ thể:

- Phía Bắc giáp sông Chu;
- Phía Nam giáp sông Chu;
- Phía Đông giáp sông Chu.
- Phía Tây giáp mỏ cát số 130.

Diện tích: Khoảng 57,2ha.

2. Tính chất, chức năng:

a) Tính chất: Là khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với hoạt động lưu trữ, phát triển nguồn gen tre luồng và nông nghiệp công nghệ cao.

b) Chức năng:

- Phục vụ du lịch, tham quan, giáo dục truyền thống lịch sử, sinh thái, môi trường, nghỉ dưỡng, ẩm thực gắn với phát triển các làng nghề thủ công mỹ nghệ và các hoạt động vui chơi, giải trí, thể thao... cho du khách trong nước và quốc tế;

- Sưu tầm, lưu trữ, bảo quản, chăm sóc và phát triển các giống tre, luồng quý hiếm của Việt Nam và thế giới; Bảo tồn, lưu trữ và phát triển nguồn gen tre, luồng; gìn giữ sự đa dạng sinh học của Việt Nam, làm cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ;

- Trình diễn, giới thiệu các mô hình thâm canh; đào tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất và lựa chọn giống; hướng dẫn quy trình trồng, chăm sóc, bảo vệ và kỹ thuật thu hoạch, khai thác;

- Quảng bá thương hiệu tre, luồng Xứ Thanh và các sản phẩm truyền thống, sản phẩm cao cấp thay gỗ làm từ tre, luồng.

3. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng 150 người; dân số quy hoạch: Khoảng 300 người;

- Quy mô khách du lịch: Khoảng 1.000 đến 3.000 khách/ngày.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

a) Chỉ tiêu về sử dụng đất:

- Đất hành chính dịch vụ: 0,3m²/ khách tham quan;

- Đất lưu trú: 30m²/hách lưu trú;

- Đất vui chơi giải trí, không gian công cộng: 0,3 m²/khách tham quan;

- Đất cây xanh cảnh quan: 40-60%;

- Đất giao thông, bến bãi: 25m²/xe ô tô/5 người.

b) Giao thông: tỷ lệ 15%-20%;

c) Cấp nước:

- Khu Resort nghỉ dưỡng: 20m³/ha/ngày.đêm;

- Khu công trình công cộng: 20m³/ha/ngày.đêm;
- Tưới cây: 20m³/ha/ngày;
- Dự phòng: 20% tổng lượng nước;
- Cấp nước sinh hoạt cho khu dân cư làng nghề: 100 lít/người/ ngày. đêm.

d) Cấp điện:

- Điện cấp cho dịch vụ công cộng: 40W/m²;
- Điện cấp cho khu nghỉ dưỡng: 3KW/giường;
- Điện cấp cho nhà hàng: 100W/m² sàn;
- Điện cấp cho khu dân cư làng nghề: 1000KWh/người/năm.

5. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chức năng lô đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SĐĐ (lần)	Tỷ lệ (%)
A	Khu đồi sinh thái, Hồ Dăm (vị trí 1)		1.023.809,3				64,1
1	Đất văn hóa lịch sử, tâm linh		27.000,2				1,7
	Đền thờ Trịnh Thị Ngọc Lữ	VHTN1	12.554,2	20-30	1-3	0,3-0,9	
	Tháp tự linh	VHTN2	314,2	-	-	-	
	Tượng phật di lặc	VHTN3	256,0	-	-	-	
	Thiền viện	VHTN4	2.893,3	20-30	1-3	0,3-0,9	
	Nhà trưng bày, truyền thống	VHTN5	3.932,1	20-30	1-3	0,3-0,9	
	Tượng đài Lê Lợi	VHTN6	7.050,4	-	-	-	
2	Đất dịch vụ du lịch		58.793,7				3,7
	Nhà điều hành, đón tiếp	DVDL1	8.346,4	30-40	1-3	0,3-1,2	
	Nhà hàng, dịch vụ	DVDL2	7.604,7	30-40	1-3	0,3-1,2	
	Trại dưỡng lão	DVDL3	3.230,6	30-40	1-3	0,3-1,2	
	Khu giáo dục, vui chơi trẻ em	DVDL4	39.612,0	10	1	0,1	
3	Đất Bungalow nghỉ dưỡng		10.385,4				0,7
4	Đất du lịch khám phá		12.779,4	5	1-2	0,1	0,8
	Khu cắm trại	DLKP1	2.437,8	5	1-2	0,1	
	Khu cắm trại	DLKP2	7.852,0	5	1-2	0,1	
	Khu leo núi	DLKP3	2.489,6	5	1-2	0,1	
5	Đất mặt nước		47.544,9				3,0
6	Đất bãi đỗ xe		8.836,1	5	1-2	0,1	0,6

STT	Chức năng lô đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)
7	Đất vườn hoa, công viên		60.663,1				3,8
8	Đất làng nghề thủ công		5.332,3	40-50	1-2	0,4-1	0,3
9	Đất công viên tre luồng		629.165,4				39,4
B	Khu bãi đoàn (vị trí 2)		572.435,5				35,9
1	Đất dịch vụ du lịch		120.205,2				7,5
	Khu đón tiếp	DT	14.884,4	10-20	1-2	0,1-0,4	
	Khách sạn	KS	33.372,0	30-40	1-3	0,3-1,2	
	Spa	SP	6.975,8	30-40	1-3	0,3-1,2	
	Nhà hàng, dịch vụ	NH	1.450,1	60-70	1-3	0,6-2,1	
	Hội nghị	HN	4.757,3	30-40	1-3	0,3-1,2	
	Nhà hát	RH	7.848,1	40-50	1-3	0,4-1,5	
	Khu vui chơi giải trí	VC GT	50.917,5	40-50	1-3	0,4-1,5	
2	Đất biệt thự nghỉ dưỡng		34.893,9	40-50	1-3	0,4-1,5	2,2
3	Đất bungalow nghỉ dưỡng		1.766,4	60-80	1-2	0,6-1,6	0,1
4	Đất cánh đồng hoa		176.722,4				11,1
5	Đất trình diễn nông nghiệp		146.821,6				9,2
6	Hồ nước nhân tạo	MN	45.137,2				2,8
C	Đất giao thông		255.334,8				16,0
	Tổng		1.596.244,8				100,0

6. Định hướng tổ chức không gian và phân khu chức năng chính:

6.1. Vị trí 01 (khu đồi sinh thái và Hồ Dăm):

Khu vực đồi sinh thái và khu Hồ Dăm được chia làm 02 không gian chính:

- Không gian tĩnh nằm ở phía Bắc đường đi Bãi Đoàn bao gồm các công trình văn hóa, lịch sử, tâm linh như: Tượng đài Lê Lợi, đền thờ Trịnh Thị Ngọc Lữ, tháp tự linh, tượng di lặc, thiền viện, các không gian hành thiền, nhà truyền thống.

- Không gian động nằm ở phía Nam đường đi Bãi Đoàn: bao gồm các công trình dịch vụ du lịch như: Cổng đón tiếp, khu điều hành, nhà hàng, bãi đỗ xe, bungalow nghỉ dưỡng, khu dưỡng lão, đồi trầm hương, khu giáo dục và vui chơi trẻ em, khu cắm trại, leo núi.

a) Cổng đón tiếp:

Được bố trí tiếp cận từ đường Hồ Chí Minh với vị trí đảm bảo khoảng cách ly với đường Hồ Chí Minh và đường điện 500KV với hình thức kiến trúc mang tính biểu tượng để tạo nên đặc trưng cho khu vực.

b) Khu điều hành, nhà hàng, dịch vụ, bãi đỗ xe:

Được bố trí ở vị trí trung tâm khu vực, phục vụ các nhu cầu cơ bản của du khách như hướng dẫn tham quan, ăn uống, đồ lưu niệm từ các sản phẩm tre luồng... các công trình mang hình thức kiến trúc hiện đại, mềm mại và hài hòa với cảnh quan xung quanh.

c) Khu bungalow nghỉ dưỡng:

Được bố trí phía Nam khu điều hành, dọc theo các tuyến đường tham quan, phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng của du khách. Các bungalow được thiết kế thấp tầng tại các vị trí trên sườn đồi, mang hình thức kiến trúc truyền thống, vật liệu địa phương, hòa lẫn với cảnh quan xung quanh tạo cảm giác gần gũi với thiên nhiên.

d) Khu giáo dục, vui chơi trẻ em, trại dưỡng lão:

Được bố trí phía Nam khu bungalow nghỉ dưỡng, ở vị trí có quỹ đất có độ dốc nhỏ với mật độ xây dựng thấp, phù hợp làm nơi học tập, vui chơi cho trẻ, nơi nghỉ dưỡng lão cho người cao tuổi với vườn dạo kết hợp trồng các loại cây dược liệu để tạo nên một không gian trong lành, yên tĩnh giúp phục hồi sức khỏe và tinh thần cho du khách.

e) Khu cắm trại, leo núi, khám phá thiên nhiên:

Được bố trí ở vị trí giáp đường Hồ Chí Minh, phục vụ các du khách ưa thích khám phá, trải nghiệm. Tổ chức các khối đá dựa theo thiên nhiên tạo các vách đứng kết hợp với các tuyến đường mòn đi bộ và các khu vực cắm trại để tạo nên một hành trình khám phá hấp dẫn cho du khách.

f) Khu văn hóa, lịch sử, tâm linh:

Được bố trí phía Bắc tuyến đường đi Bãi Đoàn, là không gian tĩnh, nơi gợi lại các giá trị của lịch sử, các giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật bằng các công trình tâm linh, văn hóa, tượng đài, kết hợp với các đường dạo, hồ cảnh quan tạo cho du khách một không gian tĩnh lặng, thư thái.

g) Khu vườn hoa, công viên, cây xanh:

Các loại cây được trồng theo các tuyến đường mang đặc trưng như: con đường phát triển xuất phát từ đường Hồ Chí Minh vào khu trung tâm, con đường lịch sử chạy dọc theo khu văn hóa tâm linh, con đường sinh thái từ khu trung

tâm đi Bãi Đoàn. Ngoài ra trên tuyến đường phát triển còn tổ chức các công viên theo chủ đề dọc theo chân đồi, kết hợp với đá, gốm sứ, tượng, phù điêu, chòi nghỉ.. tạo sự ấn tượng và hấp dẫn cho du khách ngay từ khi bước vào khu vực.

h) Khu làng nghề thủ công:

Các hộ gia đình, cá nhân trong khu đất thực hiện dự án vẫn được giữ lại và được hướng dẫn, đào tạo nghề, sản xuất các mặt hàng thủ công từ tre luồng để hình thành nên khu làng nghề thủ công trên cơ sở khu dân cư hiện trạng.

6.2. Vị trí 02 (Cồn nổi - Bãi Đoàn):

Toàn bộ khu vực được can thiệp địa hình bằng cách san nền tạo nên các đồi thoải và xây dựng hồ nước nhân tạo để tạo nên không gian đa dạng, hấp dẫn, thay đổi về mặt thị giác. Trên cơ sở đó khung không gian của khu vực hình thành bởi tuyến đường vành đai và các khu chức năng bố trí liên hoàn, trên tuyến đường vành đai, trồng đa dạng các loại cây để tạo cảnh quan. Khu vực phía ngoài tuyến đường vành đai bố trí các công trình dịch vụ du lịch như đón tiếp, khách sạn, bể bơi, spa, vui chơi giải trí. Khu vực phía trong tuyến đường vành đai là toàn bộ không gian mở với hồ nước, cánh đồng hoa, khu nông nghiệp xen kẽ một số công trình phục vụ tại các vị trí có điểm nhìn đẹp như nhà hát, nhà hội nghị.

a) Khu dịch vụ du lịch: Gồm các công trình như nhà đón tiếp, khách sạn, spa, nhà hàng, hội nghị, nhà hát, khu vui chơi giải trí, được bố trí tại 03 vị trí:

- Vị trí 01: bao gồm các công trình như nhà đón tiếp, khách sạn, bể bơi, spa, được bố trí ở phía Bắc Bãi Đoàn, các công trình được thiết kế bằng vật liệu tre, hình thức kiến trúc hiện đại.

- Vị trí 02: bao gồm các công trình như nhà hát, khu vui chơi giải trí, được bố trí phía Tây Bãi Đoàn.

- Vị trí 03: bao gồm các công trình như nhà hàng, nhà hội nghị được bố trí tại các vị trí ven hồ và trên đồi, nơi có điểm nhìn đẹp.

Các công trình chủ yếu sử dụng vật liệu tre với thiết kế mềm mại để tạo nét đặc trưng riêng cho khu vực

b) Khu biệt thự nghỉ dưỡng:

Giai đoạn trước mắt vẫn là khu đất trình diễn nông nghiệp, giai đoạn sau, khi có nhu cầu sẽ xây dựng khu biệt thự nghỉ dưỡng để phục vụ lưu trú cho khách du lịch. Được bố trí dọc theo tuyến đường vành đai, chia thành các cụm để tạo nên các không gian mở xen kẽ giữa các cụm biệt thự, các công trình biệt thự được thiết kế với hình thức kiến trúc hiện đại, hình khối và đường nét đơn giản, tinh tế, kết hợp đưa tối đa cây xanh vào trong công trình để tạo sự gần gũi, hài hòa với thiên nhiên và cảnh quan xung quanh.

c) Khu cánh đồng hoa:

Được bố trí phía trong tuyến đường vành đai, bao quanh khu vực hồ nước nhân tạo, tạo nên một không gian mở, không gian trọng tâm của toàn bộ khu vực. Khu vực được phân chia thành các khu vườn trồng các loại hoa đặc trưng như: vườn cải trắng, đồi hoa hướng dương, vườn hoa hồng, vườn hoa lưu ly...kết hợp với đường dạo được thiết kế mềm mại, tạo hình để tạo nên một tổng thể hài hòa, xen kẽ các vị trí trong cánh đồng hoa, bố trí các bungalow làm điểm dừng chân, nghỉ ngơi, ngắm cảnh cho du khách.

d) Khu nông nghiệp hữu cơ:

Bố trí phía ngoài khu cánh đồng hoa, bao gồm các khu trồng cam, bưởi, nông nghiệp hữu cơ, được trồng hình thức trình diễn, giới thiệu các mô hình thâm canh đào tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất và lựa chọn giống, hướng dẫn quy trình chăm sóc, bảo vệ và kỹ thuật thu hoạch, khai thác.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa:

a) San nền:

- Vị trí 01 (khu đồi sinh thái và Hồ Dăm): Do địa hình khu vực chủ yếu là đồi núi, có độ dốc lớn nên phương pháp chủ yếu sử dụng là san nền cục bộ theo công trình. Cao độ các công trình bám theo các tuyến đường giao thông. Khi thiết kế giai đoạn sau cần chú ý tính toán độ ổn định của nền đất để có các biện pháp gia cố mái taluy phù hợp tránh bị sạt lở, bố trí mương thu nước tại chân taluy.

- Vị trí 02 (Cồn nổi - Bãi Đoàn):

+ Nền xây dựng khu vực được thiết kế đảm bảo các ý đồ tổ chức không gian kiến trúc nhưng độ dốc nền không nhỏ hơn 0,4%.

- + Cao độ tối thiểu tính toán là 17.5m;
- + Hồ nhân tạo được thiết kế với cao độ mực nước trung bình là 19.2m.

b) Thoát nước mưa:

- Vị trí 01 (khu đồi sinh thái và Hồ Dăm):

Giữ nguyên các lưu vực thoát nước như hiện trạng, sử dụng các mương hồ đón nước tại chân taluy sau đó sử dụng cống tròn BTCT để thoát về hồ nhân tạo từ đó thoát ra sông Chu.

Hệ thống thoát nước chủ yếu bao gồm hệ thống mương chân taluy dọc các tuyến đường và hệ thống cống ngang đường.

- Vị trí 02 (Cồn nổi - Bãi Đoàn):

+ Xây dựng hệ thống cống ngầm thoát nước chạy qua các tuyến đường giao thông. đường kính cống từ D600 đến D1000. Nước mưa theo hệ thống này thoát xuống sông Chu thông qua hệ thống các cửa xả.

+ Xây dựng hệ thống tuyến cống điều tiết mực nước trong hồ nhân tạo đảm bảo mực nước thiết kế trung bình trong hồ là 19.2m.

7.2. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường Hồ Chí Minh có mặt cắt ngang A-A, lộ giới 140,0m.
- Đường Quốc lộ 47 có mặt cắt ngang B-B, lộ giới 25,0m.

b) Giao thông đối nội:

- Vị trí 01 (khu đồi sinh thái và Hồ Dăm):

+ Mặt cắt 1-1 có lộ giới 36,0m, gồm: Lòng đường 21,0m; vỉa hè $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$; giải phân cách 5,0m;

+ Mặt cắt 2-2 có lộ giới 16,0m, gồm: Lòng đường 7,5m; lề đường $2,5 \times 2 = 5,0\text{m}$; mương TN 2,5m;

+ Mặt cắt 3-3 có lộ giới 12,0m, gồm: Lòng đường 5,5m; lề đường $2,0 \times 2 = 4,0\text{m}$; mương TN 2,5m;

+ Mặt cắt 4-4 có lộ giới 8,0m, gồm: Lòng đường xe chạy; 3,5m; Lề đường: $1,0 \times 2 = 2,0\text{m}$; Mương TN: 2,5m).

Tổ chức 02 bãi đỗ xe phục vụ tại các khu vực tập trung: Khu điều hành tập trung và khu vực nhà hàng dịch vụ.

- Vị trí 02 (Cồn nổi - Bãi Đoàn):

Trong khu vực Cồn nổi mặt cắt đường được thiết kế với 1 dạng cơ bản sau: Mặt cắt 1-1: Lộ giới: 14,0m (Lòng đường: 7.0m; Lề cõ: $3,5+3,5 = 7,0\text{m}$)

7.3. Định hướng hệ thống cấp nước:

- Tổng nhu cầu cấp nước: 178,0m³/ng.đêm

- Nguồn nước sinh hoạt: Từ nhà máy cấp nước số 1 (theo QHC đô thị Lam Sơn - Sao Vàng).

- Mạng lưới cấp nước: Tuyến ống phân phối: Sử dụng ống HDPE - D110. Tuyến ống dịch vụ: Sử dụng ống HDPE - D63.

- Nguồn nước tưới cây: Sử dụng nước ngầm thông qua hệ thống bơm tự động phục vụ tưới cây trong khu vực công viên và các khu vực cần thiết khác.

7.4. Định hướng quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Nguồn cấp cho khu vực được lấy từ đường dây trung thế (35KV) hiện có trong khu vực (lấy từ trạm trung gian 110KV Thọ Xuân).

- Lưới điện: Lưới điện 35KV: Cấp điện cho các trạm biến áp tiêu thụ dùng cáp bọc tiêu chuẩn, dây dẫn được đặt trong các mương kỹ thuật chạy dọc theo các tuyến giao thông khu vực đến các trạm biến áp tiêu thụ. Lưới điện 0.4KV: Với lưới điện 0,4KV vào các phụ tải được dùng cáp bọc, đi trong ống gen đặt trong mương kỹ thuật, đấu nối thông qua các tủ điện và hộp kỹ thuật. Điện chiếu sáng được sử dụng chủ yếu các loại đèn điện năng lượng mặt trời.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải và thoát nước mưa là các hệ thống riêng.

- Nước thải được xử lý cục bộ bằng các cụm bể chế tạo sẵn Composite (FRP) đảm bảo điều kiện về VSMT trước khi thải ra môi trường.

b) Vệ sinh môi trường: Thu gom và xử lý 100% rác thải trong khu vực. Tiêu chuẩn rác thải: 0,9kg/người.ngđ.

8. Định hướng quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan:

8.1. Định hướng tổ chức không gian các khu vực trọng tâm, các tuyến cảnh quan, công trình điểm nhấn.

- Các khu vực trọng tâm bao gồm: Quảng trường giao thông ở khu trung tâm, khu đón tiếp, nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm, nhà hàng ẩm thực. Các công trình kiến trúc ở khu vực trọng tâm được thiết kế mềm mại, có tính hình tượng trên cơ sở tận dụng địa hình tự nhiên.

- Các tuyến cảnh quan chính bao gồm: Tuyến chính từ đường Hồ Chí Minh vào khu trung tâm (con đường phát triển), tuyến đường đi Bãi Đoàn (con đường sinh thái), tuyến đường từ khu trung tâm đi đền thờ Trịnh Thị Ngọc Lữ (con đường lịch sử), tuyến đường vành đai khu vực Bãi Đoàn. Các tuyến đường được trồng các loại cây đặc trưng để tạo cảnh quan.

- Các công trình điểm nhấn của khu vực bao gồm: tượng đài Lê Lợi, tượng phật di lạc, tháp tự linh, cổng đón tiếp ở hai khu vực. Các công trình mang hình thức kiến trúc phù hợp với tính chất từng công trình và phải gây được ấn tượng mạnh về mặt thị giác cho du khách.

- Các điểm nhìn quan trọng: Hướng từ đường Hồ Chí Minh, hướng nhìn từ Quốc lộ 47, hướng nhìn từ khu trung tâm đến hồ điều hòa và tượng đài Lê Lợi, hướng nhìn từ ven hồ nhân tạo khu vực Bãi Đoàn.

8.2. Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước.

- Cây xanh công viên và cây xanh dọc các tuyến đường: Các diện tích xanh trong công viên phải được gắn kết với nhau bằng các tuyến có trồng cây và các dải cây, các dải bờn-va để hình thành một hệ thống cây xanh liên tục. Phải tận dụng đất ven hồ và mọi khoảng trống có thể được cho cây xanh. Nghiên cứu về màu sắc và chủng loại cây xanh phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng, cây xanh trồng cho các tuyến đường phải chọn từng loại cây đặc trưng để tạo nét riêng cho tuyến đường.

- Đối với các khu công viên sinh thái: sưu tầm các loại tre luồng của Việt Nam và thế giới đưa vào trồng tại khu vực, các loại tre luồng được trồng thành từng nhóm theo các loại tre, họ tre luồng.

- Đối với khu vực hồ nước nhân tạo: khuyến khích trồng cỏ, cây xanh ven hồ, hạn chế kè bê tông làm mất đi cảnh quan tự nhiên.

9. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

9.1. Môi trường nước:

Để sử dụng hợp lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước, trước hết phải lập quy hoạch cho việc giữ nước vào mùa khô và tiêu nước vào mùa lũ để tránh hiện tượng ngập úng trong khu vực. Hệ thống nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xử lý sơ bộ tại mỗi công trình đảm bảo đạt QCVN 14:2008 và được tái sử dụng một phần theo hướng tuần hoàn, giảm lượng thải ra môi trường. Đặc biệt cần quan tâm đến hiện tượng nguồn nước tù đọng ven sông Chu.

Ở các khu trung tâm, dịch vụ, vui chơi giải trí, du lịch, và dân cư thì nước thải phải được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn nước thải loại B trước khi vào mạng thoát nước chung. Lượng nước thải thoát ra đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp tại các khu vực xung quanh.

9.2. Môi trường không khí và tiếng ồn:

Việc xây dựng cải tạo và phát triển trung tâm du lịch dẫn đến việc san lấp và các cơ sở hạ tầng bị gỡ bỏ, đào bới, vận chuyển nguyên vật liệu và đổ bỏ rác thải. Đây là các nguồn gây ô nhiễm bụi trầm trọng, là nguyên nhân chính làm suy giảm chất lượng không khí ở khu vực. Vì thế, giải pháp kỹ thuật giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí đô thị là xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng đô thị hợp lý và đồng bộ kết hợp với áp dụng các biện pháp giảm phát thải bụi, thu gom rác thải và vệ sinh đường phố, cải tạo hệ thống giao thông vận tải thông suốt, an toàn và thuận lợi.

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động giao thông.
- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- Giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn.

9.3. Môi trường đất, cảnh quan:

- Cần thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường sau đây:
 - + Cải tạo đất và ngăn ngừa ô nhiễm đất: Các khu xử lý nước thải và khu tập kết rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm.

+ Khu du lịch, khu trung tâm nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, dịch vụ: nhất thiết phải có công trình xử lý nước thải, chất thải để không làm ô nhiễm môi trường đất các khu vực dân cư trong vùng.

+ Khu dân cư, làng nghề: Cần có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa và thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

- Lựa chọn các loại cây thích hợp tạo ra các trục cảnh quan trong khu vực

- Các tuyến đường đi du lịch trong khu vực rừng, khu cắm trại, nghỉ ngơi phải tránh làm ảnh hưởng đến rừng, phòng tránh cháy rừng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo nội dung trên; gửi Sở Xây dựng dựng kiểm tra đóng dấu, lưu trữ theo quy định, làm cơ sở quản lý và thực hiện.

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, UBND huyện Thọ Xuân, UBND huyện Thường Xuân theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

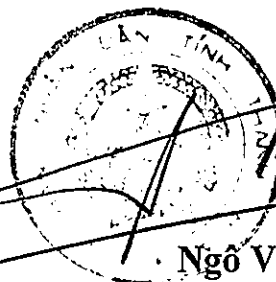
- Như điều 3 Quyết định;

- Chủ tịch UBND tỉnh;

- Lưu: VT, CN.

H4.(2017)QDPD_QH1-500 Công viên tre lương.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn